

**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN QUY CHẾ ĐÀO TẠO**  
**CAO ĐẲNG & CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG CHÍNH QUY THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-CDTLBB ngày tháng năm 2014 của  
Hiệu trưởng Cao đẳng Thủy lợi Bắc Bộ)

**Chương I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Văn bản này hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo Cao đẳng và cao đẳng liên thông chính quy theo hệ thống tín chỉ, bao gồm: tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi học phần; xét và công nhận tốt nghiệp.

2. Hướng dẫn này áp dụng đối với sinh viên các khoá đào tạo cao đẳng và liên thông trung cấp lên cao đẳng hệ chính quy thực hiện theo hệ thống tín chỉ tại Trường Cao đẳng Thủy lợi Bắc Bộ.

**Điều 2. Chương trình giáo dục đại học**

1. Chương trình đào tạo (sau đây gọi tắt là chương trình) cần thể hiện rõ: trình độ đào tạo; đối tượng đào tạo, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp; mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học khi tốt nghiệp; khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế; phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập; các điều kiện thực hiện chương trình.

2. Mỗi chương trình gắn với một ngành (kiểu đơn ngành) hoặc với một vài ngành (kiểu song ngành, kiểu ngành chính - ngành phụ, kiểu 2 văn bằng) và được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.

3. Đề cương chi tiết của từng học phần thể hiện rõ số lượng tín chỉ, điều kiện ràng buộc học phần: tiên quyết, học trước, song hành (nếu có), nội dung lý thuyết và thực hành, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập phục vụ học phần.

4. Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Thủy lợi Bắc Bộ ban hành chương trình đào tạo thực hiện tại trường. Khối lượng kiến thức và thời gian đào tạo thiết kế cho các chương trình đào tạo tại trường Cao đẳng Thủy lợi Bắc Bộ như Khoản 1 Điều 6.

**Điều 3. Học phần và tín chỉ học tập**

1. Khái niệm:

- Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn học phần có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết

cấu riêng như một phần của học phần hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều học phần. Từng học phần phải được ký hiệu bằng một mã số riêng do trường quy định.

- Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên, 1 tín chỉ được tính là 15 tiết học lý thuyết; 30 - 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đề án, khóa luận tốt nghiệp.

Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

## 2. Các loại học phần

### a. Học phần bắt buộc, học phần tự chọn

- Học phần bắt buộc: là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy.

- Học phần tự chọn: là học phần chứa đựng những nội dung cần thiết nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của Trường nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

### b. Học phần thay thế, học phần tương đương

- Học phần thay thế là học phần được sử dụng để thay thế một học phần khác trước đây có trong chương trình nhưng nay không còn sử dụng nữa.

- Học phần tương đương là học phần có trong chương trình của ngành khác cho phép sinh viên tích lũy để thay thế học phần trong chương trình của ngành đó

### c. Học phần tiên quyết, học trước, song hành và học phần cấp chứng chỉ

- Học phần tiên quyết: Học phần A được gọi là học phần tiên quyết của học phần B khi muốn đăng ký học phần B thì trước đó phải học và đạt học phần A.

- Học phần học trước: Học phần A được gọi là học phần học trước của học phần B khi muốn đăng ký học phần B thì trước đó phải học xong học phần A (có thể chưa đạt).

- Học phần song hành: Học phần A được gọi là học phần song hành của học phần B khi học phần B có thể đăng ký học đồng thời với học phần A hoặc đăng ký sau khi học xong học phần A.

- Học phần cấp chứng chỉ: là học phần không tính tín chỉ tích lũy, sinh viên hoàn thành các học phần này sẽ được cấp chứng chỉ theo quy định

## 3. Hoạt động giảng dạy và học tập của học phần

Hoạt động giảng dạy và học tập của học phần có thể bao gồm một hay nhiều nội dung sau:

- Giảng dạy lý thuyết;
- Hướng dẫn tự học, thảo luận, thực hành, bài tập, thí nghiệm;
- Hướng dẫn đề án, bài tập lớn;
- Hướng dẫn tham quan, thực tập;
- Thực hiện học phần tốt nghiệp.

4. Hiệu trưởng quy định việc tính số giờ giảng dạy của giảng viên cho các học phần trên cơ sở số giờ giảng dạy trên lớp, số giờ thực hành, thực tập, số giờ chuẩn bị khối lượng tự học cho sinh viên, đánh giá kết quả tự học của sinh viên và số giờ tiếp xúc sinh viên ngoài giờ lên lớp (có quy định riêng).

## 5. Một tiết học được tính bằng **50 phút**.

#### **Điều 4. Thời gian hoạt động giảng dạy**

Thời gian hoạt động giảng dạy của trường từ 6h30 đến 17h25 hàng ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu. Phòng Đào tạo KH&HTQT căn cứ theo số lượng sinh viên, số lớp học cần tổ chức và điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường để sắp xếp thời khóa biểu học tập hàng ngày cho các lớp.

Thời gian học tập chi tiết tại Trường Cao đẳng Thủy lợi Bắc Bộ được quy định như sau:

<b>Buổi</b>	<b>Tiết học</b>	<b>Thời gian</b>
<b>Sáng</b>	Tiết 1	6h30 - 7h20
	Tiết 2	7h25 - 8h15
	Tiết 3	8h25 - 9h15
	Tiết 4	9h20 - 10h10
	Tiết 5	10h20 - 11h10
<b>Chiều</b>	Tiết 1	12h45 - 13h35
	Tiết 2	13h40 - 14h30
	Tiết 3	14h40 - 15h30
	Tiết 4	15h35 - 16h25
	Tiết 5	16h35 - 17h25

#### **Điều 5. Đánh giá kết quả học tập**

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:

1. Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).
2. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó; gồm học kỳ chính và học kỳ phụ mở trong học kỳ chính đó (học vào thứ Bảy và Chủ nhật) hoặc học kỳ phụ mở trong dịp hè, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.
3. Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ A, B, C, D<sup>+</sup>, D, tính từ đầu khóa học.
4. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A, B, C, D<sup>+</sup>, D, mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

## **Chương II TỔ CHỨC ĐÀO TẠO**

#### **Điều 6. Thời gian và kế hoạch đào tạo**

1. Trường Cao đẳng Thủy lợi Bắc Bộ tổ chức đào tạo theo khóa học, năm học và học kỳ.

a) Khóa học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể. Thời gian của một khóa học, được quy định tùy thuộc vào trình độ, ngành đào tạo.

Thời gian thực hiện các chương trình đào tạo của Trường Cao đẳng Thủy lợi Bắc Bộ được quy định như sau:

Trình độ đào tạo	Khối ngành đào tạo	Khối lượng kiến thức đào tạo (tín chỉ)	Thời gian đào tạo (năm)	Thời gian học tập tối đa (năm)
Cao đẳng	Kỹ thuật, Kinh tế	112	3	5
Liên thông trung cấp lên cao đẳng	Kỹ thuật, Kinh tế	50÷60	1,5	2,5

Quá thời gian học tập tối đa tại bảng trên sinh viên sẽ bị xoá tên khỏi danh sách.

Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

b) Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có 20 tuần (bao gồm thời gian học và thi). Ngoài hai học kỳ chính, Hiệu trưởng xem xét quyết định tổ chức thêm các kỳ học phụ để sinh viên có điều kiện được học lại hoặc học vượt. Mỗi học kỳ phụ có 5 tuần thực học và 1 tuần thi.

2. Căn cứ vào khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu quy định cho các chương trình, Hiệu trưởng dự kiến phân bổ số học phần cho từng năm học, từng học kỳ.

### **Điều 7. Đăng ký nhập học**

1. Khi đăng ký nhập học tại trường, sinh viên phải nộp các giấy tờ theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Tất cả giấy tờ khi sinh viên nhập học được xếp vào túi hồ sơ của từng cá nhân do phòng Công tác sinh viên của trường quản lý.

2. Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện nhập học, Phòng Đào tạo, KH&HTQT trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận người đến học là sinh viên chính thức của trường và cấp cho sinh viên:

- Thẻ sinh viên;
- Sổ đăng ký học tập

3. Mọi thủ tục đăng ký nhập học phải được hoàn thành trong thời hạn theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

4. Sinh viên nhập học được trường cung cấp đầy đủ các thông tin về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

### **Điều 8. Sắp xếp sinh viên vào học các chương trình hoặc ngành đào tạo**

Nhà trường xác định điểm trúng tuyển theo ngành và điểm sàn vào trường theo quy chế tuyển sinh, những thí sinh đạt yêu cầu trúng tuyển được trường sắp xếp vào học các chương trình (hoặc ngành đào tạo) đã đăng ký (nếu đủ điểm chuẩn theo ngành đã đăng ký) hoặc vào các chương trình (ngành đào tạo) được nhà trường sắp xếp (nếu không đủ điểm chuẩn theo ngành đã đăng ký nhưng đủ điểm chuẩn vào trường).

### **Điều 9. Tổ chức lớp học phần**

Lớp học phần là lớp của các sinh viên cùng đăng ký một học phần với thời khóa biểu xếp học chung trong một học kỳ. Mỗi lớp học phần được gán một mã số riêng. Số lượng sinh viên trong một lớp học phần được xếp tùy thuộc vào sức chứa phòng học hay phòng thí nghiệm, tính chất của học phần và điều kiện cụ thể khác.

Hiệu trưởng quy định số lượng sinh viên tối thiểu cho mỗi lớp học tùy theo từng loại học phần được giảng dạy trong trường. Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác có lớp, nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ.

#### **Điều 10. Đăng ký khối lượng học tập**

1. Đầu mỗi năm học, nhà trường thông báo lịch trình học dự kiến cho từng chương trình trong từng học kỳ, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ dạy, đề cương chi tiết, điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng học phần, lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi đối với các học phần.

2. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, từng sinh viên phải đăng ký học các học phần dự định sẽ học trong học kỳ đó với phòng Đào tạo KH&THQT của trường (qua cố vấn học tập). Có 3 hình thức đăng ký các học phần sẽ học trong mỗi học kỳ: đăng ký sớm, đăng ký bình thường và đăng ký muộn.

a) Đăng ký sớm là hình thức đăng ký được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 2 tháng;

b) Đăng ký bình thường là hình thức đăng ký được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 2 tuần;

c) Đăng ký muộn là hình thức đăng ký được thực hiện trong 2 tuần đầu của học kỳ chính hoặc trong tuần đầu của học kỳ phụ cho những sinh viên muốn đăng ký học thêm hoặc đăng ký học đổi sang học phần khác khi không có lớp.

3. Khối lượng học tập tối thiểu mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định như sau:

a) 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường;

b) 10 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên đang trong thời gian bị cảnh báo học tập;

c) Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên ở học kỳ phụ.

4. Sinh viên đang trong thời gian bị cảnh báo học tập chỉ được đăng ký khối lượng học tập không quá 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ. Không hạn chế khối lượng đăng ký học tập của những sinh viên xếp hạng học lực bình thường.

5. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện ràng buộc của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.

6. Các khâu đăng ký học được thực hiện thông qua cố vấn học tập hoặc mạng Internet. Quy trình đăng ký học tập được thực hiện theo hướng dẫn của phòng Đào tạo, KH&HTQT.

#### **Điều 11. Rút bớt học phần đã đăng ký**

1. Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký được thực hiện sau 2 tuần kể từ đầu học kỳ chính, sau 1 tuần kể từ đầu học kỳ phụ. Ngoài thời hạn quy định, kết quả đăng ký học của sinh viên được công nhận chính thức và nếu sinh viên không đi học sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm Không (điểm 0).

2. Sinh viên rút bớt học phần đăng ký học qua cố vấn học tập (hoặc qua mạng Internet) và không vi phạm khoản 3 Điều 10 của Quy chế này.

## **Điều 12. Đăng ký học lại**

1. Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm F, F<sup>+</sup> phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ phụ hoặc học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt điểm A, B, C, D<sup>+</sup> hoặc D.

2. Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F, F<sup>+</sup> phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

3. Đăng ký học nâng điểm: Chỉ áp dụng cho những sinh viên đã đạt điểm C, D<sup>+</sup>, D tại lần học trước đó đăng ký học lại để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy.

4. Điểm của lần học sau cùng được tính là điểm chính thức của học phần.

## **Điều 13. Nghỉ ốm**

Sinh viên xin nghỉ ốm trong quá trình học hoặc trong đợt thi, phải viết đơn xin phép (kèm theo giấy chứng nhận của Bệnh viện) gửi Khoa chủ quản có ý kiến trong vòng 5 ngày kể từ ngày ốm.

Sau đó, sinh viên nộp đơn xin phép (đã có ý kiến Trường khoa) trong vòng một tuần kể từ ngày ốm cho giáo viên giảng dạy các học phần (*nếu xin nghỉ học*); hoặc cho phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng (*nếu xin hoãn thi*).

## **Điều 14. Xếp hạng năm đào tạo và học lực**

1. Sau mỗi học kỳ, mỗi năm học, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy, sinh viên được xếp hạng năm đào tạo như sau:

- Sinh viên năm thứ nhất: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy dưới 40 tín chỉ;
- Sinh viên năm thứ hai: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 40 đến dưới 80 tín chỉ;
- Sinh viên năm thứ ba: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 80 tín chỉ trở lên;

2. Sau mỗi học kỳ, mỗi năm học, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy, sinh viên được xếp hạng về học lực như sau:

a) Hạng bình thường: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,00 trở lên.

b) Hạng yếu: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 2,00 nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học.

Cụ thể, theo bảng sau:

<b>Hạng học lực</b>	<b>Xếp loại</b>	<b>Điểm trung bình chung tích lũy</b>
<b>Bình thường</b>	Xuất sắc	từ 3,60 đến 4,00
	Giỏi	từ 3,20 đến 3,59
	Khá	từ 2,50 đến 3,19
	Trung bình khá	từ 2,30 đến 2,49
	Trung bình	từ 2,00 đến 2,29
<b>Yếu</b>	Trung bình yếu	từ 1,50 đến 1,99
	Yếu	từ 1,00 đến 1,49
	Kém	Dưới 1,00

3. Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước học kỳ phụ để xếp hạng sinh viên về học lực.

## **Điều 15. Nghỉ học tạm thời**

1. Sinh viên viết đơn gửi Hiệu trưởng (qua phòng Đào tạo, KH&HTQT) xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

- a) Được điều động vào các lực lượng vũ trang;

b) Bị ốm hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ quan y tế;

c) Vì lý do cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở trường, không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học quy định tại Điều 16 của Quy chế này và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy không dưới 2,00. Thời gian nghỉ học tạm thời vì lý do cá nhân được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này.

2. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp tại trường, phải viết đơn gửi Hiệu trưởng (qua phòng Đào tạo, KH&HTQT) ít nhất 2 tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới .

## **Điều 16. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học**

### **1. Cảnh báo kết quả học tập:**

Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện vào cuối mỗi học kỳ (trừ kỳ sinh viên thực hiện học phần tốt nghiệp), là hình thức cảnh báo cho sinh viên về kết quả học tập yếu kém của bản thân, nhằm giúp sinh viên lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học của chương trình.

1.1. Sinh viên bị cảnh báo kết quả học tập nếu phạm một trong hai điều kiện sau:

+ Điểm trung bình chung học kỳ (học kỳ chính và học kỳ phụ) đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1.00 đối với các học kỳ tiếp theo;

+ Điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1.20 đối với sinh viên năm thứ nhất; dưới 1.40 đối với sinh viên năm thứ hai; dưới 1.60 đối với sinh viên năm cuối.

1.2. Cảnh báo kết quả học tập có 3 mức sau

+ *Cảnh báo kết quả học tập mức 1*: Là mức cảnh báo đối với sinh viên lần đầu tiên phạm phải điều kiện cảnh báo học tập tại mục 1.1

+ *Cảnh báo kết quả học tập mức 2*: Là mức cảnh báo đối với sinh viên phạm phải điều kiện cảnh báo học tập tại mục 1.1 và đã bị cảnh báo học tập mức 1 ở học kỳ trước liền kề.

+ *Cảnh báo kết quả học tập mức 3*: Là mức cảnh báo đối với sinh viên phạm phải điều kiện cảnh báo học tập tại mục 1.1 và đã bị cảnh báo học tập mức 2 ở học kỳ trước liền kề.

Sinh viên đã bị cảnh báo học tập ở mức 1 hoặc mức 2, nếu trong lần xử lý học tập ở học kỳ liền sau được cải thiện thì mức cảnh báo sẽ được hạ xuống một mức.

### **2. Xử lý buộc thôi học:**

2.1. Sinh viên bị buộc thôi học, nếu thuộc một trong những trường hợp sau:

a/ Nhận cảnh báo học tập ở mức 3.

b/ Điểm trung bình chung học kỳ bằng 0.0 (thang điểm 4)

c/ Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại trường (được quy định tại khoản 1 điều 6 của quy chế này).

d/ Không đăng ký học tập, tự ý bỏ học liên tục không có lý do trong cả học kỳ.

e/ Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 28 của Quy chế này hoặc bị kỷ luật ở mức xóa tên khỏi danh sách sinh viên của trường.

2.2. Chậm nhất một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, nhà trường thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Riêng trường hợp sinh viên cao đẳng chính quy thuộc diện bị buộc thôi học quy định tại các điểm a, b, c mục 2.1 khoản 2 của Điều này, nếu có nguyện vọng sẽ được xem xét chuyển xuống học hệ cao đẳng nghề, trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề của trường và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình Cao đẳng khi học ở chương trình hệ cao đẳng nghề, trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề. Hiệu trưởng xem xét quyết định cho bảo lưu kết quả học tập đối với từng trường hợp cụ thể.

### **Điều 17. Học cùng lúc hai chương trình**

1. Học cùng lúc hai chương trình dành cho sinh viên có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.

2. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình:

a) Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất;

b) Sau khi đã kết thúc học kỳ thứ nhất năm học đầu tiên của chương trình thứ nhất và sinh viên không thuộc diện xếp hạng học lực yếu;

c) Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình chung học kỳ (*gồm các môn của chương trình thứ nhất và chương trình thứ hai đăng ký học trong học kỳ chính và học kỳ phụ tổ chức trong học kỳ chính đó*) đạt dưới 2,00 thì phải dừng học chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo.

3. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần tương đương có trong chương trình thứ nhất. Sinh viên không đăng ký học các môn ở chương trình thứ hai ít nhất 1 học kỳ kể từ khi tốt nghiệp chương trình thứ nhất (nếu không có lý do chính đáng) sẽ bị xóa tên khỏi danh sách học chương trình thứ hai.

4. Sinh viên chỉ được xét làm tốt nghiệp chương trình thứ hai nếu đã hoàn thành chương trình đào tạo thứ nhất và chỉ được tốt nghiệp chương trình thứ hai nếu đã tốt nghiệp chương trình thứ nhất. Trong thời gian thực hiện Học phần tốt nghiệp của chương trình thứ nhất thì sinh viên không được đăng ký học các môn học của chương trình thứ hai (trừ các môn học Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất)

5. Quy trình đăng ký học chương trình thứ hai: Sinh viên làm đơn nộp cho phòng Đào tạo, KH&HTQT trước mỗi học kỳ ít nhất 1 tháng.

6. Ngoài trường hợp xin học chương trình thứ hai, sinh viên có thể đăng ký học thêm các học phần của chuyên ngành khác thuộc cùng ngành đang học hoặc của các ngành khác để bổ sung kiến thức. Kết quả của những học phần này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung tích lũy trong quá trình học và khi tốt nghiệp nhưng sẽ được ghi trong bảng điểm nếu kết quả học phần đó đạt từ điểm D trở lên.



### **Điều 18. Chuyển trường**

1. Sinh viên được xét chuyển trường nếu có các điều kiện sau đây:

a) Trong thời gian học tập, nếu gia đình chuyển nơi cư trú hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để thuận lợi trong học tập;

b) Xin chuyển đến trường có cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo mà sinh viên đang học;

c) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến;

d) Không thuộc một trong các trường hợp không được phép chuyển trường quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:

a) Sinh viên đã tham dự kỳ thi tuyển sinh theo đề thi chung, nhưng không trúng tuyển vào trường hoặc có kết quả thi thấp hơn điểm trúng tuyển của trường xin chuyển đến;

b) Sinh viên thuộc diện nằm ngoài vùng tuyển quy định của trường xin chuyển đến;

c) Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khóa (năm cuối khóa được hiểu là năm cuối cùng của thời gian quy định cho phép ở mục 1 điều 6 quy chế này)

d) Sinh viên đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

3. Thủ tục chuyển trường:

a) Sinh viên xin chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của nhà trường;

b) Hiệu trưởng trường có sinh viên xin chuyển đến quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận; quyết định việc học tập tiếp tục của sinh viên, công nhận các học phần mà sinh viên chuyển đến được chuyển đổi kết quả và số học phần phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh chương trình ở trường sinh viên xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.

## **Chương III**

### **KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN**

#### **Điều 19. Đánh giá học phần**

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành:

Điểm đánh giá kết quả học phần (gọi tắt là điểm học phần) được xác định qua điểm quá trình và điểm thi hết học phần (theo thang điểm 10) với trọng số lần lượt là 40% và 60%.

Điểm quá trình bao gồm điểm chuyên cần và điểm thành phần (theo thang điểm 10) với trọng số lần lượt là 10% và 30%.

Số lượng bài kiểm tra, thang điểm chuyên cần và cách tính điểm thành phần, điểm quá trình cũng như điểm học phần được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng (có quy định riêng).

2. Đối với các học phần thực hành, thí nghiệm: Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành, thí nghiệm. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong

học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành, thí nghiệm.

3. Giảng viên phụ trách lớp học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận. Riêng đề thi kết thúc học phần phải được ra theo quy định của trường (có quy định riêng).

#### **Điều 20. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần**

1. Thi kết thúc học phần được thực hiện ngay sau khi kết thúc học phần đó (không tổ chức thi lại).

2. Thời gian ôn thi của mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất là 0.5 ngày cho một tín chỉ (kỳ thi của học kỳ phụ không tính thời gian nghỉ ôn thi). Đối với những học phần mà sinh viên theo học tại chương trình thứ 2 hoặc học lại, học vượt chỉ được sắp xếp không trùng lịch các môn thi với nhau chứ không đảm bảo nghỉ ôn thi 0.5 ngày cho một tín chỉ.

3. Điều kiện dự thi kết thúc học phần

Căn cứ điều kiện thực tế của môn học, giảng viên xem xét điều kiện dự thi kết thúc học phần của sinh viên dựa theo các tiêu chí sau:

a. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết

Sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi có đủ các điều kiện sau:

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên thời gian quy định cho học phần đó trừ những sinh viên được Hiệu trưởng cho phép nghỉ học do tham gia các hoạt động của Nhà trường.

- Sinh viên phải dự ít nhất 50% số lần kiểm tra theo quy định cho mỗi học phần và đạt yêu cầu.

b. Đối với các học phần chỉ có thực hành, thí nghiệm

Sinh viên phải tham dự đầy đủ thời gian và thực hiện đúng các qui định của học phần thực hành, thí nghiệm mới được tính điểm học phần.

c. Đối với các học phần có cả lý thuyết và bài tập/thí nghiệm/thực hành

Sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi có đủ các điều kiện sau:

- Phần lý thuyết: Sinh viên có mặt ở lớp từ 80% trở lên thời gian quy định cho phần lý thuyết đó trừ những sinh viên được Hiệu trưởng cho phép nghỉ học do tham gia các hoạt động của Nhà trường.

- Phần bài tập/thí nghiệm/thực hành: Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ qui định cho phần bài tập và dự ít nhất 50% số lần kiểm tra theo quy định và đạt yêu cầu.

d. Sinh viên không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần thì phải nhận điểm Không (điểm 0) và phải đăng ký học lại.

#### **Điều 21. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc học phần**

1. Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình. Việc ra đề thi hoặc lấy từ ngân hàng đề thi được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng.

2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, thi trên máy tính (đối với những môn tin học) hoặc kết hợp giữa các hình thức trên.

3. Việc chấm thi kết thúc các học phần thi tự luận, chấm tiểu luận, bài tập lớn phải do hai giảng viên đảm nhiệm. Thời gian công bố điểm thi chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày thi hoặc ngày nộp tiểu luận, bài tập lớn. Việc bảo quản các bài thi, quy trình chấm thi và lưu giữ các bài thi sau khi chấm thực hiện theo quy trình khảo thí do Hiệu trưởng phê duyệt.

Thời gian lưu giữ các bài thi, tiểu luận, bài tập lớn ít nhất là hai năm, kể từ ngày thi hoặc ngày nộp tiểu luận, bài tập lớn.

Thi vấn đáp, thi trắc nghiệm, thi trên máy tính kết thúc học phần phải do hai giảng viên thực hiện. Điểm thi vấn đáp được công bố công khai sau mỗi buổi thi.

Trong trường hợp hai giảng viên chấm thi không thống nhất được điểm chấm thì các giảng viên chấm thi trình trưởng Khoa, Bộ môn, Trung tâm quyết định.

Các điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của trường, có chữ ký của cả hai giảng viên chấm thi và làm thành hai bản. Một bản lưu tại bộ môn và một bản gửi về phòng Khảo thí & Kiểm định chất lượng của trường,

5. Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng coi như đã dự thi và phải nhận điểm 0 (điểm Không) cho môn thi mà sinh viên vắng thi ở kỳ thi đó.

6. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng (được hoãn thi theo quy định tại điều 13 hoặc được điều động theo Quyết định của Nhà trường), được Nhà trường bố trí cho thi ở đợt thi khác và được coi là điểm thi lần đầu. Trong trường hợp sinh viên không tham gia được kỳ thi đó, nếu:

- Không có lý do chính đáng: sinh viên sẽ nhận điểm 0 (điểm Không) cho môn thi đó và phải đăng ký học lại ở các học kỳ sau.

- Có lý do chính đáng (có đơn kèm theo hồ sơ nộp cho Phòng Đào tạo KH&HTQT): được xem xét không tính học phần đó vào điểm trung bình chung học kỳ nhưng phải đăng ký học lại ở các học kỳ sau.

### **Điều 22. Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần**

1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

a) Loại đạt:

A	(8,5 ÷ 10)	Giỏi
B	(7,0 ÷ 8,4)	Khá
C	(5,5 ÷ 6,9)	Trung bình
D, D+	(4,0 ÷ 5,4)	Trung bình yếu

b) Loại không đạt: F, F+ (dưới 4,0) Kém

c) Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau:

I	Chưa đủ dữ liệu đánh giá.
X	Chưa nhận được kết quả thi.

d) Đối với những học phần được nhà trường cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu R viết kèm với kết quả.

3. Việc xếp loại các mức điểm A, B, C, D+, D, F+, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Đối với những học phần mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm 0;

b) Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi đã có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được giảng viên cho phép nợ;

c) Chuyển đổi từ các trường hợp X qua.

4. Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những trường hợp như đã nêu ở khoản 3 Điều này, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm F.

5. Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho trường hợp sau đây:

a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, sinh viên bị ốm hoặc tai nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi, nhưng phải được trưởng khoa cho phép;

b) Sinh viên không thể dự kiểm tra bộ phận hoặc thi vì những lý do khách quan, được trưởng khoa chấp thuận.

Trừ các trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quy định, chậm nhất 1 tuần khi bắt đầu học kỳ mới kế tiếp, sinh viên nhận mức điểm I phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển điểm. Trường hợp sinh viên chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

6. Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những học phần mà phòng Phòng Đào tạo KH&HTQT của trường chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của sinh viên chuyển lên.

7. Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sau:

a) Điểm học phần được đánh giá ở các mức điểm A, B, C, D+, D trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số học phần được phép thi sớm để giúp sinh viên học vượt.

b) Những học phần được công nhận kết quả, khi sinh viên chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình hoặc được thưởng điểm do thi Olympic cấp quốc gia.

### **Điều 23. Cách tính điểm trung bình chung**

1. Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số như sau:

<b>Thang điểm 10</b>	<b>Điểm chữ</b>	<b>Thang điểm 4</b>
8.5 điểm ÷ 10.0 điểm	A	4.0 điểm
7.0 điểm ÷ 8.4 điểm	B	3.0 điểm
5.5 điểm ÷ 6.9 điểm	C	2.0 điểm
5.0 điểm ÷ 5.4 điểm	D+	1.5 điểm
4.0 điểm ÷ 4.9 điểm	D	1.0 điểm
3.0 điểm ÷ 3.9 điểm	F+	0.5 điểm
0.0 điểm ÷ 2.9 điểm	F	0.0 điểm

2. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy (theo thang điểm 4) được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

$a_i$  là điểm của học phần thứ i

$n_i$  là số tín chỉ của học phần thứ i

n là tổng số học phần.

- Điểm trung bình chung học kỳ dùng để xét học bổng, xét cảnh báo học tập, thôi học sau mỗi học kỳ, xét khen thưởng sau mỗi năm học (xét học bổng, xét khen thưởng chỉ tính điểm lần 1).

- Điểm trung bình chung tích lũy dùng để xét cảnh báo học tập, thôi học, xếp hạng học lực sinh viên và xếp hạng tốt nghiệp.

- Không tính kết quả thi các học phần giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất vào điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy. Việc đánh giá kết quả và điều kiện cấp chứng chỉ đối với học phần này theo quy định riêng của Nhà trường và của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **Chương IV** **XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP**

**Điều 24. Thực tập tốt nghiệp, làm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp (gọi chung là học phần tốt nghiệp)**

1. Đầu học kỳ cuối khoá, các sinh viên được đăng ký làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp hoặc học thêm một số học phần chuyên môn được quy định như sau:

a) Làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp: áp dụng cho sinh viên đạt mức quy định của trường. Đồ án, khoá luận tốt nghiệp là học phần có khối lượng không quá 5 tín chỉ.

b) Học và thi một số học phần chuyên môn: sinh viên không được giao làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn, nếu chưa tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình.

2. Tùy theo điều kiện của trường và đặc thù của từng ngành đào tạo, Hiệu trưởng quy định:

a) Các điều kiện để sinh viên được đăng ký làm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp;

b) Hình thức và thời gian làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp;

c) Hình thức chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp;

d) Nhiệm vụ của giảng viên hướng dẫn; trách nhiệm của bộ môn và khoa đối với sinh viên trong thời gian làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

3. Đối với một số ngành đào tạo đòi hỏi phải dành nhiều thời gian cho thí nghiệm hoặc khảo sát để sinh viên hoàn thành đồ án, khóa luận tốt nghiệp, trường có thể bố trí

thời gian làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp kết hợp với thời gian thực tập chuyên môn cuối khoá.

### **Điều 25. Đánh giá học phần tốt nghiệp**

1. Việc đánh giá học phần tốt nghiệp thực hiện theo quy định riêng của nhà trường.

2. Điểm của học phần tốt nghiệp được chấm theo thang điểm chữ theo quy định tại các mục a và b, khoản 2, Điều 22 của Quy chế này. Điểm học phần tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học.

3. Sinh viên có đồ án, khoá luận tốt nghiệp bị điểm F, F<sup>+</sup> phải đăng ký làm lại đồ án, khoá luận tốt nghiệp; hoặc phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn để thay thế, sao cho tổng số tín chỉ của các học phần chuyên môn học thêm tương đương với số tín chỉ của đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

### **Điều 26. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp**

1. Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được trường xét và công nhận tốt nghiệp:

- a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
  - b) Tích lũy đủ số học phần quy định cho chương trình đào tạo;
  - c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học đạt từ 2,00 trở lên;
  - d) Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính do Hiệu trưởng quy định;
  - đ) Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất.
- e) Có đơn gửi Phòng Đào tạo Khoa học & HTQT đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

2. Cuối mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp trường căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Hội đồng xét tốt nghiệp trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền làm Chủ tịch, Trưởng phòng Đào tạo KH&HTQT làm Thư ký và các thành viên là các Trưởng khoa chuyên môn và Trưởng phòng Công tác sinh viên.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

### **Điều 27. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo**

1. Bằng tốt nghiệp được cấp theo ngành đào tạo chính (đơn ngành hoặc song ngành). Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học, như sau:

- |                         |  |
|-------------------------|--|
| a) Loại xuất sắc:       | Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00; |
| b) Loại giỏi:           | Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59; |
| c) Loại khá:            | Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19; |
| d) Loại trung bình khá: | Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,30 đến 2,49; |
| đ) Loại trung bình:     | Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,29. |

2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khoá loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Có khối lượng của các học phần phải học lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định của toàn chương trình;

b) Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

3. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm theo từng học phần. Trong bảng điểm còn phải ghi tên ngành và chuyên ngành mà sinh viên theo học.

4. Nếu kết quả học tập của sinh viên thỏa mãn những quy định tại khoản 1 Điều 26 của Quy chế này đối với một số chương trình đào tạo tương ứng với các ngành đào tạo khác nhau, thì sinh viên được cấp các bằng tốt nghiệp khác nhau tương ứng với các ngành đào tạo đó.

5. Sinh viên còn nợ chứng chỉ giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 5 năm tính từ ngày phải ngừng học, được trở về trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

6. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình của trường. Nếu có nguyện vọng, được làm đơn xin chuyển xuống học chương trình cao đẳng nghề, trung cấp nghề, TCCN theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Quy chế này.

## **Chương V** **XỬ LÝ VI PHẠM**

### **Điều 28. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định về thi, kiểm tra**

1. Trong khi dự kiểm tra thường xuyên, chuẩn bị tiểu luận, bài tập lớn, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần, chuẩn bị học phần tốt nghiệp, nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật với từng học phần đã vi phạm.

2. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập một năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Trừ trường hợp như quy định tại khoản 2 của Điều này, mức độ sai phạm và khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy.

*Phủ Lý, ngày      tháng      năm 2014*

**HIỆU TRƯỞNG**